

Bản án số: 369/2022/DS-PT

Ngày: 08/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tiến Dũng

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Lê Đức Phương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2022/TLPT-DS ngày 26/5/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 315/2022/QĐ-PT ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà NTB1, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Nội, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

Bị đơn: Bà VTL2, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Nội, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông ĐVH3, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Nội, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, Hà Nội.

Do có kháng cáo của bà VTL2 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà NTB1 trình bày:

Năm 2016 và năm 2017 bà cho bà VTL2 vay tiền 05 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 1/10/2016 (âm lịch) bà cho bà VTL2 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2% tháng; thời hạn là 01 năm. Bà L2 đã trả lãi được được 13 tháng = 13 triệu đồng. Hiện còn nợ 50 triệu đồng tiền gốc và lãi đến nay nhưng bà chỉ yêu cầu bà L2 trả tôi số tiền gốc 50 triệu đồng.

Lần 2: Ngày 8/3/2017 (âm lịch) bà cho bà L2 vay số tiền 42.000.000 đồng, lãi suất 1,5% tháng; thời hạn là 6 tháng. Bà L2 chưa trả bà được đồng lãi nào. Hiện còn nợ 42 triệu đồng tiền gốc và lãi đến nay nhưng bà chỉ yêu cầu bà L2 trả số tiền gốc 42 triệu đồng.

Lần 3: Ngày 14/6/2017 (âm lịch) bà cho bà L2 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 2% tháng; thời hạn là 01 năm. Bà L2 đã trả bà được được 4 tháng tiền lãi là 2,4 triệu đồng. Hiện còn nợ 30 triệu đồng tiền gốc và lãi đến nay nhưng bà chỉ yêu cầu bà L2 trả số tiền gốc 30 triệu đồng.

Lần 4: Ngày 15/9/2017 (âm lịch) bà cho bà L2 vay số tiền 42.000.000 đồng; thời hạn là 4 tháng (đến 15/01/2018) thì trả 45.000.000 đồng cả gốc và lãi. Bà L2 chưa trả được đồng nào. Hiện còn nợ 42 triệu đồng tiền gốc và lãi. Nay bà yêu cầu bà L2 phải trả 42 triệu đồng tiền gốc.

Lần 5: Ngày 20/9/2017 (âm lịch), bà cho bà L2 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 6% tháng; thời hạn là 10 ngày. Bà L2 đã trả bà được lãi 400.000 đồng. Hiện còn nợ 20 triệu đồng tiền gốc và lãi đến nay nhưng bà chỉ yêu cầu bà L2 trả 20 triệu đồng tiền gốc.

Tổng cộng bà L2 vay bà số tiền là 184.000.000 đồng. Số tiền này là của riêng bà. Bà sống độc thân không có chồng chỉ có một con nuôi hiện đã đi lấy chồng. Bà đã nhiều lần đến đòi bà L2 số tiền trên nhưng bà L2 khát lần khát lượt không trả nợ. Vì vậy bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai yêu cầu giải quyết buộc bà VTL2 phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 184.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà VTL2 trình bày:

Ngày 01/10/2016 (âm lịch), bà có vay của bà NTB1 số tiền là 50.000.000 đồng; lãi suất 7%/tháng; thời hạn vay là 01 năm. Trong đó hết thời hạn 01 năm sẽ trả gốc đầy đủ còn tiền lãi sẽ trả theo tháng. Số tiền này bà chưa thanh toán được cho bà B1. Đến ngày 08/03/2017, bà lấy phùng 42.000.000 đồng nhưng do sơ suất không đọc nên có kí vào sổ của bà B1 dưới dòng chữ: “*Mùng 08/03/2017, bà L2 vay phùng tháng 03 năm 2017 mốc 2800 x 15 suất = 42.000.000 đồng*”. Số tiền này bà không vay mà bà nhận phùng. Ngày 14/06/2017, bà vay tiếp của bà B1 30.000.000 đồng; lãi suất 7%/tháng; không có thời hạn vay. Bà đã ghi tổng 02 lần vay là 80.000.000 đồng và kí nhận, số tiền này bà đã trả đủ 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Khi trả tiền, do tin tưởng bà B1 nên bà không kiểm tra và bắt bà B1 viết giấy biên nhận. Đến ngày 15/09/2017, bà nhận phùng số tiền là 42.000.000 đồng. Cũng do sơ suất bà đã kí nhận mà không đọc như lần nhận phùng trước. Ngày 20/09/2017 (âm lịch), bà có vay của bà B1 20 triệu đồng; lãi suất 10%/tháng. Khoảng 4 đến 5 tháng sau bà đã trả bà B1 đầy đủ tiền gốc và lãi đã vay lần này. Do không đọc và tin tưởng bà B1 nên bà đã kí dưới dòng chữ: “*Ngày 20/09/2017 âm lịch bà B1 cho bà L2 vay 20 triệu đồng, 10 ngày đã trả gọn 400.000 đồng hẹn ngày 30/09 trả gốc*”. Thực chất bà chỉ còn nợ bà B1 có 50.000.000 đồng còn các khoản khác bà đã thanh toán đầy đủ. Những lần nhận tiền bà chi vào việc việc gia đình để cho con cái ăn học và nuôi dạy các cháu. Bà

có 04 con nhưng hai cháu đầu bị tật nguyền không có chồng nhưng có con. Vợ chồng bà phải nuôi dưỡng cả con và cháu. Ông ĐVH3 là chồng bà khi nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa có nói với bà rằng: Bà L2 vay của bà B1 và ký nhận giấy vay không liên quan gì đến ông Hùng nên ông Hùng không đến Tòa làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông ĐVH3 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai đã quyết định:

Chấp nhận đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 của bà NTB1. Buộc bà VTL2 và ông ĐVH3 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà NTB1 số tiền vay là 184.000.000 đồng. Kỷ phần của mỗi người là 92.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, bà VTL2 là bị đơn trong vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà L2 chỉ còn nợ bà B1 số tiền 50.000.000 đồng chứ không phải 184.000.000 đồng như án sơ thẩm tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án và không xuất trình các tài liệu chứng cứ gì khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

[1]. Về hình thức: Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2016 và năm 2017 bà NTB1 cho bà VTL2 vay tiền 05 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 1/10/2016 (âm lịch) bà B1 cho bà L2 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2% tháng; thời hạn là 01 năm. Bà L2 đã trả lãi được 13 tháng = 13 triệu đồng. Hiện còn nợ 50 triệu đồng tiền gốc và lãi.

Lần 2: Ngày 8/3/2017 (âm lịch) bà B1 cho bà L2 vay số tiền 42.000.000 đồng, lãi suất 1,5% tháng; thời hạn là 6 tháng. Bà L2 chưa được đồng lãi nào. Hiện còn nợ 42 triệu đồng tiền gốc và lãi.

Lần 3: Ngày 14/6/2017 (âm lịch) bà B1 cho bà L2 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 2% tháng; thời hạn là 01 năm. Bà L2 đã trả được được 4 tháng tiền lãi là 2,4 triệu đồng. Hiện còn nợ 30 triệu đồng tiền gốc và lãi.

Lần 4: Ngày 15/9/2017 (âm lịch) bà B1 cho bà L2 vay số tiền 42.000.000 đồng; thời hạn là 4 tháng (đến 15/01/2018) thì trả 45.000.000 đồng cả gốc và lãi. Bà L2 chưa trả được đồng nào. Hiện còn nợ 42 triệu đồng tiền gốc và lãi.

Lần 5: Ngày 20/9/2017 (âm lịch), bà B1 cho bà L2 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 6% tháng; thời hạn là 10 ngày. Bà L2 đã trả được lãi 400.000 đồng. Hiện còn nợ 20 triệu đồng tiền gốc và lãi.

Tổng số tiền bà L2 vay của bà B1 là 184.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều được thể hiện bằng các giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký của bên vay là bà L2. Bà L2 cũng thừa nhận toàn bộ chứng cứ mà bà B1 xuất trình cho Tòa án đều là chữ ký của bà. Nhận thấy, các giấy vay tiền được lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, phù hợp quy định pháp luật. Bà L2 trình bày do sơ xuất không kiểm tra nên khi trả tiền yêu cầu bà B1 gạch sổ nhưng bà B1 không gạch, và khi ký nhận phường do sơ suất không đọc nên bà B1 viết thành cho vay tiền là không có căn cứ nên không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 184.000.000 đồng và không yêu cầu lãi là có căn cứ.

Xét thấy, ông ĐVH3 là chồng của bà VTL2, tuy không trực tiếp vay tiền bà B1 nhưng việc bà L2 vay tiền là để sử dụng vào việc chung của gia đình nên ông Hùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả tiền cho bà B1.

Kháng cáo của bà L2 không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 471, Điều 473, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTB1. Buộc bà VTL2 và ông ĐVH3 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà NTB1 số tiền vay là 184.000.000 đồng. Kỳ phần của mỗi người là 92.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà VTL2, ông ĐVH3 chịu trách nhiệm liên đới nộp 9.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà VTL2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000104 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Tiến Dũng